

Số:04/2025/QĐST-DS

Quận K, ngày 14 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 06 tháng 3 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 29/2025/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 06 tháng 3 năm 2025 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Vũ Văn X, sinh năm 1957; địa chỉ: Tổ Đ, phường B, quận K, thành phố H.

Bị đơn: Anh Vũ Quang T, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ Đ, phường B, quận K, thành phố H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Vũ Thị P, sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ Đ, phường B, quận K, thành phố H (là người bị mất năng lực hành vi dân sự); người giám hộ của bà Vũ Thị P là ông Vũ Văn X, sinh năm 1957; địa chỉ: Tổ Đ, phường B, quận K, thành phố H (theo quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 04/2024/QĐST-VDS ngày 19/4/2024 của Tòa án nhân dân quận K, thành phố H).

- Bà Trần Thị C, sinh năm 1947; địa chỉ: Tổ Đ, phường B, quận K, thành phố H.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Thửa đất số 101 tờ bản đồ 300591-7-6 diện tích 563m² ở tổ Đ, phường P (nay là phường B), quận K, thành phố H là di sản thừa kế chưa chia của cụ Trần Thị T - là mẹ đẻ của ông Vũ Văn X, bà Vũ Thị P, bà Trần Thị C và ông Vũ Văn X1 (bố đẻ anh Vũ Quang T - đã chết). Cụ Trần Thị T chết năm 1989 không có di chúc. Do đến nay đã hết thời hiệu khởi kiện chia thừa kế, tất cả người trong hàng thừa kế của cụ T thống nhất xác định toàn bộ thửa đất trở thành tài sản chung theo phần của ông Vũ Văn X, anh Vũ Quang T và bà Vũ Thị P. Đất chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện có giá trị là 2.000.000đ/m² (hai triệu đồng một mét vuông)

2.2. Do bà Vũ Thị P là người mất năng lực hành vi dân sự, ông Vũ Văn X là người giám hộ của bà P theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 04/2024/QĐST-VDS ngày 19/4/2024 của Tòa án nhân dân quận K nên toàn bộ phần đất cùng tài sản trên đất mà bà Vũ Thị P được chia sẽ do ông Vũ Văn X quản lý, sử dụng, sở hữu.

2.3. Về phương án phân chia thửa đất:

- Giao cho ông Vũ Văn X được quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 377,8m² (ba trăm bảy mươi bảy phẩy tám mét vuông) tại thửa đất số 101 tờ bản đồ 300591-7-6 ở số 20 ngõ 110 đường L, tổ Đ, phường B, quận K, thành phố H. Phần đất giới hạn bởi các điểm 5a,6,7,7a,15,5a; ký hiệu là S3, có tứ cận như sau:

+ Phía Đông Bắc giáp phần đất mà anh Vũ Quang T được phân chia, có chiều dài 16,67m

+ Phía Đông Nam giáp ngõ đi chung có chiều dài lần lượt là 1,36m và 18,92m

+ Phía Tây Nam giáp thửa đất số 112 (hộ ông H) có chiều dài 17,99m.

+ Phía Tây Bắc giáp thửa đất số 100 có chiều dài 23,57m.

(Có sơ đồ chi tiết kèm theo).

Ông Vũ Văn X được sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền trên đất và được đăng ký quyền sử dụng đối với phần đất này theo quy định của pháp luật.

Tại phía Tây Bắc của phần đất được giao có một số công trình do ông X xây dựng là nhà kho, lán đang lấn sang một phần thửa đất số 100, tờ bản đồ 300591-7-6. Ông X xác nhận và cam kết những công trình này đều là những công trình tạm, hoàn toàn có thể phá dỡ nên ông X tự chịu trách nhiệm tháo dỡ những công trình xây dựng này khi được cơ quan nhà nước yêu cầu.

- Giao cho anh Vũ Quang T được quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 124,4m² (mộ trăm hai mươi bốn phẩy bốn mét vuông) tại thửa đất số 101 tờ bản đồ 300591-7-6 ở số 20 ngõ 110 đường L, tổ Đ, phường B, quận K, thành phố H. Phần đất giới hạn bởi các điểm 5,5a,15,13,14,5; ký hiệu là S2, có tứ cận như sau:

+ Phía Đông Bắc giáp phần đất giao cho anh Vũ Quang T quản lý, sử dụng làm nhà thờ, có chiều dài 14,81m

- + Phía Đông Nam giáp ngõ đi chung có chiều dài 7,9m
- + Phía Tây Nam giáp phần đất mà ông Vũ Văn X được phân chia, có chiều dài 16,67m.
- + Phía Tây Bắc giáp thửa đất số 100 và ngõ đi có chiều dài lần lượt là 2,45m và 5,47m.

(Có sơ đồ chi tiết kèm theo).

Anh Vũ Quang T được sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền trên đất và được đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Giao cho anh Vũ Quang T quản lý, sử dụng phần diện tích đất còn lại là 61,6m² (sáu mươi một phẩy sáu mét vuông) tại thửa đất số 101 tờ bản đồ 300591-7-6 ở số 20 ngõ 110 đường L, tổ Đ, phường B, quận K, thành phố H. Mục đích sử dụng chung làm nhà thờ của gia đình. Ông Vũ Văn X, bà Vũ Thị P (ông X là người giám hộ) và bà Trần Thị C đều phải có trách nhiệm kê khai hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi anh Vũ Quang T thực hiện đăng ký quyền sử dụng đối với phần đất này theo quy định của pháp luật. Phần đất được giới hạn bởi các điểm 1,2,3,4,514,1; ký hiệu là S1, có tứ cận như sau:

- + Phía Đông Bắc giáp ngõ đi chung có chiều dài lần lượt là 11,08m; 0,91m và 3,05m
- + Phía Đông Nam giáp ngõ đi chung có chiều dài 1,76m
- + Phía Tây Nam giáp phần đất mà anh Vũ Quang T được phân chia, có chiều dài 14,81m.
- + Phía Tây Bắc giáp ngõ đi có chiều dài là 4,84m.

(Có sơ đồ chi tiết kèm theo).

2.4. Về số tiền các đương sự giao cho nhau

- Ghi nhận sự tự nguyện của anh Vũ Quang T hỗ trợ cho bà Trần Thị C số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Vũ Văn X hỗ trợ cho bà Trần Thị C số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng)

- Bà Trần Thị C không yêu cầu ông X và anh T phải chịu bất kỳ khoản tiền lãi nào đối với số tiền này, kể cả tiền chậm trả theo quy định của Bộ luật Dân sự.

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Vũ Văn X là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Trần Thị C được nhận số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) nhưng đây không phải là tiền được chia từ tài sản chung nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Vũ Quang T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản được hưởng theo quy định của pháp luật (kể cả phần đất được giao quản lý, sử dụng làm

nhà thờ gia đình). Tổng diện tích phần đất mà anh Vũ Quang T được giao là 186,0m² (một trăm tám mươi sáu mét vuông) X 2.000.000đ/m² = 372.000.000đ (ba trăm bảy mươi hai triệu đồng). Anh Vũ Quang T phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp hòa giải thành trước khi Tòa án mở phiên tòa là (372.000.000đ X 5%)/2 = 9.300.000đ (chín triệu ba trăm nghìn đồng).

2.6. Ông Vũ Văn X không yêu cầu giải quyết về số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên Tòa án không xem xét.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Kiến An;
- Chi cục THADS quận Kiến An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

THẨM PHÁN

Vũ Văn Định